| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN U MINH**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **127**/2023/DS-ST
Ngày 17-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Ngọc Dung

Ông Lâm Hữu Đoàn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Yến Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Châu Văn N, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị L (vắng mặt).

2. Ông Lâm Minh H (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Châu Văn N trình bày:*

Ngày 02/6/2021 âm lịch, vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Minh H có vay của ông số tiền là 20.000.000 đồng. Ngày 17/7/2021 âm lịch bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Minh H tiếp tục vay của ông số tiền là 45.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Minh H nợ ông số tiền là 65.000.000 đồng. Lãi suất thoả thuận của các lần vay là 5%/tháng. Từ khi vay tiền đến nay ông Lâm Minh H và bà Nguyễn Thị L không đóng lãi cũng không trả tiền cho ông. Ông có đến nhà đòi nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Minh H chỉ hứa hẹn, cố tình tránh né không trả nợ cho ông. Do đó ông yêu cầu Toà án xem xét giải

quyết buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Minh H trả cho ông số tiền 65.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Minh H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn N thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Minh H có vay của ông N 02 lần vào ngày 02/6/2021 âm lịch số tiền 20.000.000 đồng và ngày 17/7/2021 âm lịch số tiền 45.000.000 đồng. Do đã đòi nhiều lần nhưng bà L và ông H chỉ hứa hẹn, cố tình tránh né không trả tiền nên ông N khởi kiện yêu cầu bà L và ông H trả cho ông số tiền vay gốc là 65.000.000 đồng.

Việc vay tiền có làm biên nhận nội dung "ngày 02-6-2021 âl con Nguyễn Thị L ấp 6 khánh tiến có hỏi ông cậu Năm nhỏ số tiền 20.000.000 hai mươi triệu đồng… Hôm nay ngày 17-7-2021 âl con có vay thêm của ông cậu Năm nhỏ với số tiền là: 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng)", có ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị L, Lâm Minh H. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Về lãi suất, ông N xác định lãi suất thoả thuận là 5%/tháng, tuy nhiên ông N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Do bà L và ông H là vợ chồng, tại biên nhận có chữ ký của cả bà L, ông H nên phải bà L, ông H phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Minh H nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 65.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận cụ thể 65.000.000 đồng x 5% = 3.250.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn N. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Minh H có nghĩa vụ trả cho ông Châu Văn N số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lâm Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) (chưa nộp).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Ý**